

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mậu Dũng	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Thanh	Thành viên
Ông Trần Tiến Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Quỳnh	Thành viên
Ông Vương Dũng Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Nguyên Thanh	Giám đốc
Ông Trần Tiến Đại	Phó Giám đốc
Ông Vũ Hồng Minh	Phó Giám đốc
Ông Lê Đức Dân	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Nguyên Thanh - Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Số: 003 /VACO/ BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (dưới đây gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 38, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2025 và đến thời điểm lập báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền đang làm việc với các bên liên quan và Công ty liên quan đến vi phạm của Ông Hà Ngọc Vinh (là nhân viên của Công ty) về quản lý hàng hoá, bán hàng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có cơ sở đánh giá về những ảnh hưởng (có thể có) của vấn đề này tới Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư công nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ một bên liên quan trong việc vi phạm của Ông Hà Ngọc Vinh với giá trị lần lượt khoảng 9,4 tỷ VND và 1,4 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh gì trong Báo cáo tài chính 2025 của Công ty hay không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số 39, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm của Báo cáo tài chính năm 2025 đối với giá trị tài sản thiếu chờ xử lý.

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 39, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 06 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần, có vấn đề nhấn mạnh về việc nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 32,75 tỷ VND.



Nguyễn Phương Lan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215.704.892.391	240.149.334.265
I. Tiền	110	5	291.127.035	365.314.552
1. Tiền	111		291.127.035	365.314.552
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.240.000.000	6.278.494.369
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.240.000.000	6.278.494.369
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.555.032.508	124.088.914.724
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	150.193.284.301	97.246.912.502
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	10.178.671.764	4.982.858.265
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	13.183.076.443	13.732.703.608
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(165.088.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	8.291.528.349
IV. Hàng tồn kho	140	10	39.060.498.552	106.320.958.070
1. Hàng tồn kho	141		39.934.256.022	106.320.958.070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(873.757.470)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		558.234.296	3.095.652.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	77.516.129	61.707.601
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		345.294.530	2.880.320.926
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	135.423.637	153.624.023
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		217.301.795.630	218.174.667.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.050.000	13.050.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	13.050.000	13.050.000
II. Tài sản cố định	220		128.481.691.075	140.281.595.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	116.870.711.749	128.708.600.406
- Nguyên giá	222		356.306.875.289	351.600.315.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.436.163.540)	(222.891.714.698)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	11.610.979.326	11.572.995.381
- Nguyên giá	228		12.841.165.609	12.366.901.609
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.230.186.283)	(793.906.228)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.027.856.359	1.134.357.805
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.027.856.359	1.134.357.805
IV. Tài sản dài hạn khác	260		86.779.198.196	76.745.663.788
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	86.779.198.196	76.745.663.788
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		433.006.688.021	458.324.001.645

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		246.095.237.335	274.904.289.302
I. Nợ ngắn hạn	310		245.267.417.968	272.900.582.135
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	167.335.557.853	207.930.966.344
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	5.693.078.065	2.177.775.660
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	40.587.578.408	29.872.801.549
4. Phải trả người lao động	314		13.045.763.037	13.247.169.713
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	760.913.092	1.287.478.933
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	15.097.524.651	13.464.334.189
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.173.000.000	2.253.053.900
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.574.002.862	2.667.001.847
II. Nợ dài hạn	330		827.819.367	2.003.707.167
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	827.819.367	2.003.707.167
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186.911.450.686	183.419.712.343
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	186.911.450.686	183.419.712.343
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.996.120.000	124.996.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.996.120.000	124.996.120.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.000.000.000	37.113.389.298
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.915.330.686	21.310.203.045
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.542.367.728	11.265.323.753
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.372.962.958	10.044.879.292
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		433.006.688.021	458.324.001.645



Nguyễn Thị Phương
Người lập biểu
Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 02 năm 2026



Bùi Đức Duy
Kế toán trưởng



Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	4.410.387.953.035	4.478.140.069.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.410.387.953.035	4.478.140.069.090
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	4.256.067.829.246	4.343.899.248.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		154.320.123.789	134.240.820.220
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.353.677.264	1.635.848.133
7. Chi phí tài chính	22	25	363.402.772	776.564.081
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		363.402.772	776.564.081
8. Chi phí bán hàng	25	27	127.103.101.966	109.309.891.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.569.481.479	12.319.883.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.637.814.836	13.470.329.250
11. Thu nhập khác	31	28	1.492.103.132	539.011.222
12. Chi phí khác	32	29	1.484.777.871	701.312.218
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.325.261	(162.300.996)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.645.140.097	13.308.028.254
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.272.177.139	2.747.027.076
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	516.121.886
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.372.962.958	10.044.879.292
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	830	577




Nguyễn Thị Phương
Người lập biểu
Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 02 năm 2026



Bùi Đức Duy
Kế toán trưởng




Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.645.140.097	13.308.028.254
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.284.962.074	19.089.404.380
- Các khoản dự phòng	03	708.669.470	(152.674.777)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(85.574.706)	468.783.727
- Chi phí lãi vay	06	363.402.772	776.564.081
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.916.599.707	33.490.105.665
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(43.225.520.128)	(20.399.032.774)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	66.386.702.048	(63.776.288.916)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(26.258.202.021)	99.295.889.082
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.353.576.113)	(14.662.202.256)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(364.998.176)	(776.564.081)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.600.078.751)	(2.446.820.427)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	270.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.224.340.000)	(5.145.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.276.586.566	25.849.686.293
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.823.286.184)	(9.711.942.077)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	278.064.186
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(427.935.741)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.038.494.369	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169.640.832	520.422.142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.615.150.983)	(9.341.391.490)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	56.466.000.000	247.937.600.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.721.941.700)	(260.749.891.667)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.479.681.400)	(3.601.155.295)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.735.623.100)	(16.413.446.962)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(74.187.517)	94.847.841
Tiền đầu năm	60	365.314.552	270.466.711
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	291.127.035	365.314.552

Nguyễn Thị Phương
Người lập biểu
Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Bùi Đức Duy
Kế toán trưởng

Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2803000416 ngày 20 tháng 7 năm 2007; Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 6 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 124.996.120.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 338 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 307 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh xăng dầu, vận chuyển xăng dầu và cho thuê kho, cảng xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Thông tin trên báo cáo tài chính của Công ty có thể so sánh được.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng tại Quảng Bình	Đường Phạm Văn Đồng, tổ dân phố Diêm Thượng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng tại Nghệ An	Chân cầu vượt 72m, khối Yên Bình, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê đất, thuê cửa hàng xăng dầu đã trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí thuê xe được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê xe.
- Chi phí sửa chữa tài sản/cửa hàng xăng dầu, chi phí khác,... với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 59
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó: Quyền sử dụng đất không thời hạn theo quy định hiện hành không thực hiện trích khấu hao; Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan chủ yếu trong năm là:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ Thuật và Đầu tư - CTCP	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	Cùng công ty mẹ
(Tên cũ là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	172.921.014	173.239.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	95.811.121	192.074.609
Tiền đang chuyển	22.394.900	-
Cộng	291.127.035	365.314.552

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam	2.240.000.000	2.240.000.000	2.240.000.000	2.240.000.000
Hiện đại - Chi nhánh Vinh (i)				
Ngân hàng TMCP Việt Nam	-	-	4.038.494.369	4.038.494.369
Thương Tín				
Cộng	2.240.000.000	2.240.000.000	6.278.494.369	6.278.494.369

Ghi chú:

- (i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 2,9%/năm, khoản tiền gửi này được tự động gia hạn với kỳ hạn không đổi theo lãi suất công bố của Ngân hàng tại từng thời điểm gia hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu của khách hàng không là bên liên quan	149.838.594.589	95.650.395.640
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	16.518.041.830	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Phát An Khang	10.000.068.702	-
Công ty TNHH Phú Hải	9.279.414.134	4.767.443.872
Các đối tượng khác	114.041.069.923	90.882.951.768
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	354.689.712	1.596.516.862
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	97.636.649	76.931.104
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	75.474.714	84.408.964
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	60.493.422	476.418.823
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	52.576.519	157.260.604
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	28.892.044	34.052.589
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	19.480.727	24.324.721
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	16.911.176	61.882.943
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	3.224.461	659.855.458
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	14.901.656
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	-	6.480.000
Cộng	150.193.284.301	97.246.912.502

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Trọng Nhân Nghệ An	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Minh Sang	2.755.792.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Trình Hiệp	1.838.248.930	2.510.598.261
Doanh nghiệp tư nhân Quang Khánh	1.410.946.920	1.901.000.000
Các đối tượng khác	1.173.683.914	571.260.004
Cộng	10.178.671.764	4.982.858.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác ngắn hạn không là bên liên quan	3.498.429.886	-	4.467.989.588	-
Tạm ứng	586.505.995	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	300.000.000	-	300.000.000	-
Lãi tiền gửi	22.958.466	-	107.024.592	-
Phải thu khác	2.588.965.425	-	4.060.964.996	-
- Phải thu các cửa hàng kinh doanh xăng dầu (i)	2.433.358.364	-	3.836.655.974	-
- Các đối tượng khác	155.607.061	-	224.309.022	-
b) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	9.684.646.557	-	9.264.714.020	-
Phải thu khác	9.684.646.557	-	9.264.714.020	-
- Phải thu Ban Giám đốc Công ty (ii)	2.042.082.349	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (iii)	2.099.689.911	-	3.752.108.077	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (iii)	1.804.260.212	-	1.764.832.857	-
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (iii)	1.688.157.923	-	675.940.291	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu	648.261.368	-	1.207.486.588	-
Thủ Đức (iii)				
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (iii)	624.614.464	-	314.772.416	-
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (iii)	372.638.704	-	494.564.000	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL	251.535.424	-	153.930.017	-
Hải Phòng (iii)				
- Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông (iii)	123.916.565	-	57.101.018	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên (iii)	20.944.108	-	46.530.301	-
(Tên cũ là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)				
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (iii)	8.545.529	-	769.481.041	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL	-	-	26.952.754	-
Miền Trung (iii)				
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ Thuật và Đầu tư - CTCP - Xi nghiệp xăng dầu Petec Hải Phòng	-	-	1.014.660	-
c) Phải thu khác dài hạn	13.050.000	-	13.050.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13.050.000	-	13.050.000	-
Cộng	13.196.126.443	-	13.745.753.608	-

Ghi chú:

- (i) Phản ánh số dư tiền mặt thu từ bán hàng trong ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại các cửa hàng xăng dầu, số dư tiền mặt này đã được nộp về Văn phòng Công ty vào ngày 05 tháng 01 năm 2026.
- (ii) Khoản phải thu khác từ Ban Giám đốc Công ty là phần còn lại sau khi đã được các bên liên quan nộp cho Công ty để khắc phục hậu quả liên quan đến vi phạm của Ông Hà Ngọc Vinh (nhân viên của Công ty) về quản lý hàng hóa, bán hàng, được ghi nhận tại mục tài sản thiếu chờ xử lý trên sổ đầu kỳ của bảng cân đối kế toán.
- (iii) Phản ánh các khoản phải thu về bán xăng dầu tại các cửa hàng xăng dầu cho khách hàng là đối tác của các Bên liên quan của Công ty theo chương trình Pvoil Easy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xăng E5 RON92-II	4.762.389.120	(121.490.404)	9.368.687.651	-
Xăng RON95-III	9.262.812.034	(148.885.355)	18.944.473.405	-
Dầu DO 0,05S-II	16.825.655.455	(390.915.413)	72.814.194.957	-
Dầu DO 0,01S-V	3.756.843.799	(200.784.937)	4.940.792.849	-
Hàng hóa khác	5.326.555.614	(11.681.361)	252.809.208	-
Cộng	39.934.256.022	(873.757.470)	106.320.958.070	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	77.516.129	61.707.601
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.516.129	61.707.601
b) Dài hạn	86.779.198.196	76.745.663.788
Thuê cửa hàng xăng dầu (i)	32.313.164.260	23.457.128.110
Chi phí sửa chữa của hàng xăng dầu và tài sản khác (iii)	21.647.157.594	19.343.400.665
Lợi thế thương mại tại CHXD Việt Tiến (ii)	9.929.158.166	10.415.484.280
Thuê đất tại phường Đức Ninh Đông, TP. Đồng Hới (ii)	7.956.480.000	8.145.920.000
Lợi thế thương mại tại CHXD Tượng Sơn (ii)	5.171.416.754	5.339.397.809
Tiền thuê đất khu văn phòng tại số 417, đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh (ii)	3.137.184.890	3.228.559.207
Lợi thế thương mại tại CHXD Sơn Linh (ii)	1.958.155.649	2.104.631.859
Tiền thuê đất tại CHXD Xuân An (ii)	1.626.371.573	1.695.246.671
Chi phí thuê xe bồn	769.913.978	1.311.913.978
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Tổng kho xăng dầu Vũng Áng (v)	602.769.750	602.769.750
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại cửa hàng xăng dầu (iv)	509.334.711	486.499.191
Thuê xe ô tô Foreverst Biển số 38A-526.15	214.500.000	610.500.000
Chi phí khác	943.590.871	4.212.268
Cộng	86.856.714.325	76.807.371.389

Ghi chú:

- (i) Phản ánh tiền thuê lại toàn bộ cửa hàng xăng dầu và tài sản đã đầu tư xây dựng trên đất của chủ đầu tư.
- (ii) Phản ánh tiền thuê đất phát sinh theo các hợp đồng thuê đất, thời gian thuê đất là 50 năm.
- (iii) Chi phí sửa chữa tài sản cố định tại các cửa hàng xăng dầu và các tài sản cố định của Công ty, thời gian phân bổ không quá 3 năm.
- (iv) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của các cửa hàng xăng dầu (CHXD). Trong đó, chi phí của CHXD Thuận Lộc số tiền 509.334.711 VND được trừ dần vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách Nhà nước theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư của Ban Quản lý kinh tế Vũng Áng ngày 21 tháng 12 năm 2008. Tuy nhiên, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 15 năm đầu hoạt động nên khoản chi phí này sẽ được trừ dần vào năm thứ 16 kể từ năm 2008. Giá trị đền bù giải phóng mặt bằng của các CHXD còn lại được phân bổ theo thời gian thuê đất.
- (v) Giá trị đền bù giải phóng mặt bằng Tổng kho xăng dầu Vũng Áng của Công ty được trừ dần vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách Nhà nước theo Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý kinh tế Vũng Áng ngày 21 tháng 12 năm 2008. Tuy nhiên, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 15 năm đầu hoạt động, nên khoản chi phí này được trừ dần vào năm thứ 16 kể từ năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	224.818.044.917	104.337.160.028	21.126.742.902	985.272.018	333.095.239	351.600.315.104
Mua sắm mới	-	4.137.200.000	-	-	-	4.137.200.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	569.360.185	-	-	-	-	569.360.185
Phân loại lại	(2.466.751.969)	3.128.238.160	(385.923.148)	(275.563.043)	-	-
Tại ngày cuối năm	222.920.653.133	111.602.598.188	20.740.819.754	709.708.975	333.095.239	356.306.875.289
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	131.017.421.838	76.005.004.206	14.793.219.104	746.444.017	329.625.533	222.891.714.698
Khấu hao trong năm	9.301.059.673	6.216.434.233	987.752.046	35.733.148	3.469.742	16.544.448.842
Phân loại lại	538.609.857	(335.391.391)	(62.476.314)	(140.742.116)	(36)	-
Tại ngày cuối năm	140.857.091.368	81.886.047.048	15.718.494.836	641.435.049	333.095.239	239.436.163.540
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	93.800.623.079	28.332.155.822	6.333.523.798	238.828.001	3.469.706	128.708.600.406
Tại ngày cuối năm	82.063.561.765	29.716.551.140	5.022.324.918	68.273.926	-	116.870.711.749

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 28.119.229.720 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.662.645.937 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được Công ty sử dụng để thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 38.056.631.297 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 42.473.927.241 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	10.635.917.979	1.730.983.630	12.366.901.609
- Mua sắm mới	-	474.264.000	474.264.000
Tại ngày cuối năm	10.635.917.979	2.205.247.630	12.841.165.609
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	-	793.906.228	793.906.228
Khấu hao trong năm	-	436.280.055	436.280.055
Tại ngày cuối năm	-	1.230.186.283	1.230.186.283
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	10.635.917.979	937.077.402	11.572.995.381
Tại ngày cuối năm	10.635.917.979	975.061.347	11.610.979.326

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình được Công ty sử dụng để thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.635.917.979 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.635.917.979 VND).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán không là bên liên quan	6.426.813.432	6.426.813.432	5.024.142.278	5.024.142.278
Công ty TNHH Quảng cáo Thiên Hà	1.256.738.000	1.256.738.000	-	-
Công ty TNHH Nam Giang	219.880.000	219.880.000	3.519.880.000	3.519.880.000
Các đối tượng khác	4.950.195.432	4.950.195.432	1.504.262.278	1.504.262.278
b) Phải trả người bán là bên liên quan	160.908.744.421	160.908.744.421	202.906.824.066	202.906.824.066
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	158.933.484.902	158.933.484.902	201.549.799.450	201.549.799.450
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	1.326.952.491	1.326.952.491	498.303.367	498.303.367
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	580.752.079	580.752.079	681.971.985	681.971.985
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xi nghiệp	33.548.629	33.548.629	1.648.690	1.648.690
Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ				
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xi nghiệp	14.938.560	14.938.560	4.331.896	4.331.896
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè				
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	10.366.731	10.366.731	7.878.217	7.878.217
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	7.290.281	7.290.281	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	793.735	793.735	5.516.100	5.516.100
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	609.212	609.212	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	7.801	7.801	7.801	7.801
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	-	-	157.199.484	157.199.484
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ Thuật và Đầu tư - CTCP - Xi nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng	-	-	167.076	167.076
Cộng	167.335.557.853	167.335.557.853	207.930.966.344	207.930.966.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán không là bên liên quan	5.690.524.264	2.177.775.660
Công ty TNHH Hồng Vân	3.317.059.593	12.823.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận SME Donghong	41.381.592	210.574.814
Công ty TNHH Tâm Vinh Hướng Thiện	-	1.287.413.690
Các đối tượng khác	2.332.083.079	666.964.156
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	2.553.801	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	2.553.801	-
Cộng	5.693.078.065	2.177.775.660

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	29.872.801.549	397.482.597.930	386.767.821.071	40.587.578.408
Thuế giá trị gia tăng	171.217.550	43.942.594.650	39.102.594.109	5.011.218.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.273.700.760	3.272.177.139	3.600.078.751	945.799.148
Thuế bảo vệ môi trường	28.427.883.239	349.375.735.314	343.173.057.384	34.630.561.169
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	627.149.863	627.149.863	-
Các loại thuế khác	-	51.000.000	51.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải	-	213.940.964	213.940.964	-
b) Phải thu	153.624.023	1.002.228.033	984.027.647	135.423.637
Thuế thu nhập cá nhân	153.624.023	1.002.228.033	984.027.647	135.423.637

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí quản lý, bảo quản trạm sạc	312.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	135.841.443	135.900.443
Chi phí thuê kho, Cửa hàng xăng dầu	60.328.805	189.153.744
Chi phí thuê xe	-	315.086.503
Chi phí khác	252.742.844	647.338.243
Cộng	760.913.092	1.287.478.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác ngắn hạn không là bên liên quan	7.496.473.461	6.840.525.534
Kinh phí công đoàn	621.359.493	238.999.750
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.468.640.580	4.198.438.380
Chi phí hoạt động thường xuyên của cửa hàng xăng dầu	1.033.681.389	779.945.258
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.372.791.999	1.623.142.146
b) Phải trả khác ngắn hạn là bên liên quan	7.601.051.190	6.623.808.655
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	3.078.384.185	3.149.489.344
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.133.555.853	1.158.619.517
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	892.198.736	316.330.406
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	578.035.126	135.359.413
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	485.971.952	58.818.300
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	329.333.907	80.227.440
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	258.268.496	31.432.250
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	225.207.530	18.854.050
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	182.408.461	35.514.646
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)	163.425.475	105.602.860
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	110.758.090	13.424.950
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	99.223.258	24.555.750
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	53.157.001	29.042.260
(Tên cũ là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)		
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	11.123.120	5.520.600
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	-	1.461.016.869
Cộng	15.097.524.651	13.464.334.189

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU ĐÀU KHÍ VÙNG ÁNG

Số 417, đường Trần Phú, phường Thành Sen,
tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	1.173.000.000	1.173.000.000	58.719.053.900	57.639.000.000	2.253.053.900	2.253.053.900
Vay ngắn hạn	-	-	56.466.000.000	56.466.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	-	-	56.466.000.000	56.466.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.173.000.000	1.173.000.000	2.253.053.900	1.173.000.000	2.253.053.900	2.253.053.900
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (i)	493.000.000	493.000.000	1.393.053.900	493.000.000	1.393.053.900	1.393.053.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (ii)	680.000.000	680.000.000	860.000.000	680.000.000	860.000.000	860.000.000
b) Vay dài hạn	827.819.367	827.819.367	1.175.887.800	-	2.003.707.167	2.003.707.167
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (i)	329.880.967	329.880.967	493.000.000	-	822.880.967	822.880.967
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (ii)	497.938.400	497.938.400	682.887.800	-	1.180.826.200	1.180.826.200

Ghi chú:

Các khoản vay dài hạn của Công ty có lịch trả nợ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.173.000.000	2.253.053.900
Trong năm thứ hai	827.819.367	2.003.707.167
Cộng	2.000.819.367	4.256.761.067
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.173.000.000	2.253.053.900
Số phải trả sau 12 tháng	827.819.367	2.003.707.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Hợp đồng	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn cho vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh						
Hợp đồng cho vay theo Dự án đầu tư số 2773/2013/DADT/KHDN ngày 02/10/2017	Thanh toán gói Tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê thừa đất số 558 thuộc sở bán đồ địa chính số 04 tại phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Thả nổi có điều chỉnh	120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay		-	485.053.900
Hợp đồng cho vay theo Dự án đầu tư số 150/19/TD/H/KHDN ngày 12/11/2019	Thanh toán các chi phí đầu tư thực hiện Dự án Cửa hàng xăng dầu - Văn phòng chi nhánh Đồng Hới - Quảng Bình	Thả nổi có điều chỉnh	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên	(iii)	697.880.967	1.065.880.967
Hợp đồng cho vay theo Dự án đầu tư số 160/19/TD/H/KHDN ngày 27/12/2019	Thanh toán các chi phí đầu tư thực hiện cửa hàng xăng dầu tại địa chỉ khối phố 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh	Thả nổi có điều chỉnh	72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên	(iii)	125.000.000	665.000.000
(ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh						
Hợp đồng cung cấp tín dụng số 01/2022/3638985/HĐTD ngày 28/10/2022	Đầu tư mua sắm 02 xe bồn 22m3 và 18m3 phục vụ vận chuyển xăng dầu	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên	(iv)	1.177.938.400 1.177.938.400	2.040.826.200 1.857.938.400
Hợp đồng cung cấp tín dụng số 03/2022/3638985/HĐTD ngày 28/12/2022	Xây dựng phần mềm kế toán, tích hợp các phần mềm Công ty	Thả nổi có điều chỉnh	36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên	-	-	182.887.800

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo Hợp đồng cho vay theo Dự án đầu tư số 150/19/TD/H/KHDN ngày 12/11/2019 và Hợp đồng cho vay theo Dự án đầu tư số 160/19/TD/H/KHDN ngày 27/12/2019 được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất mang tên Công ty và các tài sản gắn liền với đất tại các cửa hàng xăng dầu Sơn Giang, An Viên, Bui Xá, văn phòng chi nhánh Quảng Bình, Đồng Hới, Hà Huy Tập.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo Hợp đồng cho vay số 01/2022/3638985/HĐTD ngày 28/10/2022 được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.996.120.000	35.713.389.298	20.674.307.704	181.383.817.002
Lãi trong năm	-	-	10.044.879.292	10.044.879.292
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.400.000.000	(1.400.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.839.100.351)	(3.839.100.351)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(3.749.883.600)	(3.749.883.600)
Trích quỹ khen thưởng cán bộ quản lý	-	-	(420.000.000)	(420.000.000)
Số dư đầu năm nay	124.996.120.000	37.113.389.298	21.310.203.045	183.419.712.343
Lãi trong năm	-	-	10.372.962.958	10.372.962.958
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	886.610.702	(886.610.702)	-
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(3.749.883.600)	(3.749.883.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.831.341.015)	(2.831.341.015)
Trích quỹ khen thưởng cán bộ quản lý (i)	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư cuối năm nay	124.996.120.000	38.000.000.000	23.915.330.686	186.911.450.686

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận của năm 2024 bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 726/NQ-DKVA-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, theo đó:

- Trích quỹ đầu tư và phát triển (9% lợi nhuận sau thuế năm 2024) là 886.610.702 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (28% lợi nhuận sau thuế năm 2024) là 2.831.341.015 VND.
- Trích quỹ thưởng cán bộ quản lý (3% lợi nhuận sau thuế năm 2024) là 300.000.000 VND.
- Chia cổ tức năm 2024 (3% vốn điều lệ) là 3.749.883.600 VND.
- Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông với số tiền là 3.371.950.435 VND.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.499.612	12.499.612
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.499.612	12.499.612
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.499.612	12.499.612
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 124.996.120.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 124.996.120.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	70.625.000.000	56,50%	70.625.000.000	56,50%
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	12.500.000.000	10,00%	12.500.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	12.480.000.000	9,98%	12.480.000.000	9,98%
Các cổ đông khác	29.391.120.000	23,51%	29.391.120.000	23,51%
Cộng	124.996.120.000	100%	124.996.120.000	100%

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Lít	Lít
Hàng hóa nhận giữ hộ		
Xăng E5 RON92 - II	835.322	2.195.138
Xăng RON95-III	2.229.090	426.627
Dầu DO 0,05S-II	3.774.730	2.569.817
Cồn E100	140.284	-

Theo quy định của hợp đồng dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ tiếp nhận bảo quản bơm rót hàng hóa, Công ty có trách nhiệm mua bảo hiểm hàng hóa cho hàng hóa của bên gửi tại kho trong suốt quá trình hàng hóa được lưu giữ, tiếp nhận, bảo quản bơm rót tại kho. Các hợp đồng này có rủi ro đáng kể do kể từ thời điểm tiếp nhận hàng hóa, mọi tổn thất về hàng hóa, cũng như ảnh hưởng đến môi trường do hàng hóa sẽ được chuyển từ bên gửi hàng sang Công ty. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty các rủi ro này có thể được hạn chế do hàng hóa đã được Công ty mua bảo hiểm đầy đủ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được chi phí đền bù thiệt hại còn lại sau bảo hiểm có thể phát sinh đối với các lô hàng gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.362.793.962.102	4.437.374.303.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.593.990.933	40.765.765.392
Cộng	4.410.387.953.035	4.478.140.069.090
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>189.583.847.000</i>	<i>77.507.810.375</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 34)</i>		

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.221.243.426.865	4.311.345.140.215
Giá vốn dịch vụ	34.824.402.381	32.554.108.655
Cộng	4.256.067.829.246	4.343.899.248.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	85.574.706	468.780.308
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.268.102.558	1.167.067.825
Cộng	1.353.677.264	1.635.848.133

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	363.402.772	776.564.081
Cộng	363.402.772	776.564.081

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	68.407.372.461	61.477.848.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.973.662.522	17.137.768.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.337.761.483	63.287.069.428
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(165.088.000)	47.168.000
Chi phí khác bằng tiền	13.943.277.360	12.234.029.356
Cộng	176.496.985.826	154.183.883.677

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	46.175.764.573	40.818.675.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.865.958.554	8.797.016.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.848.077.679	54.482.729.329
Chi phí khác bằng tiền	5.213.301.160	5.211.469.112
Cộng	127.103.101.966	109.309.891.155
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	4.912.155.671	2.966.814.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.001.846	126.710.692
Thuế, phí và lệ phí	50.269.286	43.000.000
Chi phí dự phòng	(165.088.000)	47.168.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.020.435.762	2.156.630.884
Chi phí khác bằng tiền	8.679.706.914	6.979.560.244
Cộng	14.569.481.479	12.319.883.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu cửa hàng xăng dầu mới	1.177.016.629	-
Các khoản khác	315.086.503	539.011.222
Cộng	1.492.103.132	539.011.222

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị không chuyên trách	288.000.000	274.500.000
Các khoản khác	1.196.777.871	426.812.218
Cộng	1.484.777.871	701.312.218

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.645.140.097	13.308.028.254
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.715.745.596	427.107.125
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.715.745.596	427.107.125
- Chi phí phúc lợi cho người lao động vượt 1 tháng lương bình quân	1.230.967.725	-
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	288.000.000	274.500.000
- Chi phí khác	1.196.777.871	152.607.125
Thu nhập chịu thuế	16.360.885.693	13.735.135.379
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.272.177.139	2.747.027.076

Trong năm, Công ty xác định thu nhập chịu thuế không khác biệt nhiều so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	10.372.962.958	10.044.879.292
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.831.341.015)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.372.962.958	7.213.538.277
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.499.612	12.499.612
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	830	577
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm trước được trình bày lại do điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 với số tiền là 2.831.341.015 VND, số lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 trước khi trình bày lại là 804 VND/cổ phiếu.

Trong năm 2025, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025; do đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm nay không bị ảnh hưởng bởi nghiệp vụ trích quỹ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xăng dầu, các hoạt động khác như cho thuê kho, cho thuê vị trí đặt trạm sạc... chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 417 đường Trần Phú - Phường Thành Sen - Tỉnh Hà Tĩnh, ngoài ra Công ty có chi nhánh hạch toán phụ thuộc và các cửa hàng xăng dầu tại tỉnh Nghệ An và tỉnh Quảng Bình cũ. Ba tỉnh này là địa bàn kinh doanh của Công ty theo sự phân bổ địa bàn của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP cho các công ty thành viên. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản vay	2.000.819.367	4.256.761.067
Trừ: Tiền	(291.127.035)	(365.314.552)
Nợ thuần	1.709.692.332	3.891.446.515
Vốn chủ sở hữu	186.911.450.686	183.419.712.343
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,01	0,02

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	291.127.035	365.314.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	162.802.904.749	110.827.578.110
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.240.000.000	6.278.494.369
Cộng	165.334.031.784	117.471.387.031
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.000.819.367	4.256.761.067
Phải trả người bán và phải trả khác	182.433.082.504	221.395.300.533
Chi phí phải trả	760.913.092	1.287.478.933
Cộng	185.194.814.963	226.939.540.533

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 4, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền	291.127.035	-	-	291.127.035
Phải thu khách hàng và phải thu khác	162.802.904.749	-	-	162.802.904.749
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.240.000.000	-	-	2.240.000.000
Cộng	165.334.031.784	-	-	165.334.031.784
Tại ngày cuối năm				
Các khoản vay	1.173.000.000	827.819.367	-	2.000.819.367
Phải trả người bán và phải trả khác	182.433.082.504	-	-	182.433.082.504
Chi phí phải trả	760.913.092	-	-	760.913.092
Cộng	184.366.995.596	827.819.367	-	185.194.814.963
Chênh lệch thanh khoản thuần	(19.032.963.812)	(827.819.367)	-	(19.860.783.179)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền	365.314.552	-	-	365.314.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.827.578.110	-	-	110.827.578.110
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.278.494.369	-	-	6.278.494.369
Cộng	117.471.387.031	-	-	117.471.387.031
Tại ngày đầu năm				
Các khoản vay	2.253.053.900	2.003.707.167	-	4.256.761.067
Phải trả người bán và phải trả khác	221.395.300.533	-	-	221.395.300.533
Chi phí phải trả	1.287.478.933	-	-	1.287.478.933
Cộng	224.935.833.366	2.003.707.167	-	226.939.540.533
Chênh lệch thanh khoản thuần	(107.464.446.335)	(2.003.707.167)	-	(109.468.153.502)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp do chênh lệch thanh khoản thuần phát sinh chủ yếu do công nợ phải trả cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP là 158,9 tỷ VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 201,5 tỷ VND). Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư và giao dịch đã trình bày tại Thuyết minh số 7, 9, 14, 15, 18 và 20, trong năm, Công ty còn có một số giao dịch chủ yếu với bên liên quan sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa dịch vụ	189.583.847.000	77.507.810.375
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức	88.646.147.453	8.299.425.648
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	30.424.364.246	25.935.444.706
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	46.345.279.409	243.767.413
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	13.688.519.387	15.108.697.290
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	3.416.179.767	2.998.781.342
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	2.918.690.598	3.058.094.909
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	2.847.190.239	1.192.976.430
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	785.257.834	1.370.064.904
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	183.832.798	123.535.792
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	259.148.601	149.700.846
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	17.460.357	4.738.109
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	15.417.538	15.720.757
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	11.916.000	15.856.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	11.482.961	18.948.031.545
(Tên cũ là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	9.161.633	7.387.259
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.364.157	1.874.181
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	1.115.967	1.952.944
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	318.055	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	-	31.760.100
	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.169.133.469.061	4.391.510.898.864
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	4.099.122.930.908	4.155.431.653.992
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	22.503.956.380	60.049.440.071
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	11.737.272.727	30.639.545.455
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	13.925.262.115	53.399.485.902
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	9.209.090.908	42.162.818.182
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	5.490.859.763	40.032.031.381
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	5.300.456.267	5.332.272.164
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	1.198.331.850	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	278.994.366	257.657.726
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	147.492.488	124.296.856
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	86.451.534	399.752.419
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	51.536.413	217.255.787
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	33.251.706	3.389.764.247
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	16.818.665	46.143.510
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	16.258.855	11.181.683
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	6.474.393	10.872.527
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	5.941.066	4.821.072
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	2.053.663	1.861.042
(Tên cũ là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình)		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	34.994	44.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	3.194.315.954	3.184.763.018
Ông Nguyễn Mậu Dũng	142.731.343	142.696.000
Ông Vương Dũng Hoàng	92.492.537	105.217.000
Ông Nguyễn Thế Quỳnh	92.492.537	105.217.000
Ông Hoàng Nguyên Thanh	1.074.518.842	1.133.380.506
Ông Trần Tiến Đại	852.985.790	877.828.604
Ông Vũ Hồng Minh	810.009.702	820.423.908
Ông Lê Đức Dân	129.085.203	-
Thu nhập của Ban Kiểm soát	133.828.358	119.304.000
Bà Nguyễn Thị Ninh	73.955.224	52.500.000
Bà Trần Thị Thu Huyền	52.373.134	59.304.000
Ông Nguyễn Nam Hải	7.500.000	7.500.000
Kế toán trưởng	729.909.605	754.865.897
Ông Bùi Đức Duy	729.909.605	754.865.897
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức trả cho Ban Giám đốc	1.261.500	1.261.500
Ông Trần Tiến Đại	1.261.500	1.261.500
Cổ tức trả cho Kế toán trưởng	1.500.000	1.500.000
Ông Bùi Đức Duy	1.500.000	1.500.000

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm không bao gồm 24.000.000 VND là số tiền ứng trước cho nhà cung cấp năm trước, 859.151.185 VND là số tiền chưa thanh toán cho nhà cung cấp trong năm, và đã bao gồm 3.630.349.000 VND là số tiền tạm ứng cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định trong năm sau. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu và các khoản phải trả.

Tiền cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu phát sinh trong năm không bao gồm 377.933.165 VND là cổ tức năm 2024 chưa chi trả và đã bao gồm 107.730.965 VND là cổ tức các năm trước năm 2024 chi trả trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm (i)	15.295.196.666	10.357.891.305

Ghi chú:

- (i) Chi phí thuê hoạt động thể hiện chi phí theo các hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu, thuê kho, thuê xe và hợp đồng thuê đất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.872.000.000	2.860.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	78.429.516.667	31.462.500.000
Sau năm thứ năm	42.352.016.667	52.839.016.667

37. NỢ TIỀM TÀNG

Theo quy định của các hợp đồng thuê đất để xây dựng các cửa hàng kinh doanh xăng dầu và xây dựng văn phòng, hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu để kinh doanh..., Công ty sẽ phải di dời toàn bộ tài sản ra khỏi mặt bằng khu đất và phải hoàn trả mặt bằng nguyên trạng như khi nhận bàn giao mặt bằng và bàn giao lại cho bên cho thuê trong trường hợp Công ty không có nhu cầu thuê lại khu đất khi hợp đồng thuê hết hạn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá, mục tiêu sử dụng tài sản có thể được gia hạn hoặc các phương án khác trên cơ sở làm việc cụ thể với bên cho thuê trong tương lai. Theo đó, Ban Giám đốc chưa ước tính các chi phí phát sinh hoặc các khoản thu từ thanh lý (nếu có). Vì vậy Công ty chưa ghi nhận chi phí dự phòng về di dời tài sản và hoàn trả mặt bằng trên báo cáo tài chính này.

38. THÔNG TIN VỀ VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ HÀNG HÓA, BÁN HÀNG

Trong năm 2025 và đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, cơ quan có thẩm quyền đang làm việc với Công ty, các bên liên quan về vi phạm của ông Hà Ngọc Vinh (là nhân viên của Công ty) về quản lý hàng hoá, bán hàng phát sinh trước năm 2025. Ban Giám đốc Công ty cũng đang tích cực làm việc với cơ quan có thẩm quyền để sớm có kết luận chính thức, từ đó xác định trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên liên quan cũng như để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được trình bày lại, như: lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại và giá trị hàng hoá thiếu của năm trước, phát hiện trong năm 2025, đang chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Bảng cân đối kế toán			
Hàng tồn kho	114.612.486.419	(8.291.528.349)	106.320.958.070
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	8.291.528.349	8.291.528.349
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
(Tăng), giảm hàng tồn kho	(72.067.817.265)	8.291.528.349	(63.776.288.916)
(Tăng), giảm các khoản phải thu	(12.107.504.425)	(8.291.528.349)	(20.399.032.774)



Nguyễn Thị Phương
Người lập biểu
Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 02 năm 2026



Bùi Đức Duy
Kế toán trưởng




Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc